

Số: 531 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2018 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với những nội dung chủ yếu sau:

A. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Phát triển khu vực dịch vụ nhanh đi đôi với hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước, hướng tới hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại.

- Phát triển các ngành dịch vụ, phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế và tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước; huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân.

- Phát triển khu vực dịch vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 để tiến nhanh, bắt kịp các quốc gia trên thế giới. Ưu tiên tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao.

- Phát triển, hội nhập trong lĩnh vực dịch vụ đi đôi với bảo đảm nền kinh tế độc lập, tự chủ và an toàn xã hội, an ninh quốc gia; mở cửa thị trường các ngành dịch vụ gắn với bảo vệ hiệu quả các ngành kinh tế trong nước; phát huy nội lực và coi nội lực là cơ sở để hội nhập tích cực, chủ động, hiệu quả trong lĩnh vực dịch vụ.

- Phát triển khu vực dịch vụ có khả năng tự chủ và thích ứng linh hoạt trước ảnh hưởng tiêu cực từ các cuộc khủng hoảng lớn về kinh tế, thiên tai, dịch bệnh mang tính toàn cầu.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển khu vực dịch vụ trở thành khu vực chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao, ngang bằng với nhóm các quốc gia phát triển trong ASEAN - 4, phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 7 - 8%, cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Đến năm 2030, tỷ trọng của khu vực dịch vụ chiếm khoảng 50% GDP.

Trong thời kỳ 2030 - 2050, khu vực dịch vụ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế, chiếm tỷ trọng khoảng 60% GDP.

B. CÁC ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

I. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

- Đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là trong các lĩnh vực dịch vụ như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, logistics, thương mại, du lịch... Duy trì tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP; tăng dần tỷ trọng dịch vụ trong GDP.

- Tập trung phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh như: phân phối, du lịch, công nghệ thông tin, tài chính - ngân hàng, logistics, giáo dục đào tạo, y tế,... Đồng thời, hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch với sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, có năng lực cạnh tranh tầm khu vực và quốc tế.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trên thị trường nội địa, trong khu vực và quốc tế; đẩy mạnh khai thác tiềm năng và lợi thế của từng ngành dịch vụ, tăng cường hợp tác giữa các ngành dịch vụ để cùng cạnh tranh và phát triển.

- Đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, dịch vụ việc làm,... theo cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và từng bước hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục huy động các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng, trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại nhằm tạo thuận lợi cho phát triển dịch vụ. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cần được ưu tiên bố trí cho việc phát triển, củng cố, nâng cấp, hiện đại hóa có trọng điểm kết cấu hạ tầng quan trọng như: giao thông, cảng hàng không, cảng biển, viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng.

- Mở cửa thị trường dịch vụ theo các cam kết quốc tế, tăng cường công tác vận động, xúc tiến đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực dịch vụ.

- Khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh của từng lĩnh vực dịch vụ hiện tại và trong tương lai; phân loại các lĩnh vực dịch vụ cần được bảo hộ, các lĩnh vực loại trừ tạm thời, loại trừ hoàn toàn cho việc mở cửa và dành đối xử quốc gia, tối huệ quốc cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hài hòa giữa các vùng miền, hiện đại, tăng trưởng nhanh và bền vững gắn với nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm dịch vụ của Việt Nam.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

1. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ ưu tiên

a) Dịch vụ du lịch

- Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển du lịch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.

- Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ phục vụ phát triển du lịch bao gồm hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin tại các khu vực động lực phát triển du lịch, khu du lịch quốc gia và khu vực có tiềm năng du lịch.

- Phát triển đa dạng hóa thị trường khách du lịch trên cơ sở điều tra, nghiên cứu thị trường, nhu cầu và thị hiếu của khách du lịch. Tập trung thu hút khách du lịch từ các thị trường: Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Âu, Bắc Âu, Đông Âu và Liên bang Nga. Quan tâm phát triển các thị trường mới, có tiềm năng: Trung Đông, Nam Âu, Nam Mỹ, Nam Á; đồng thời, chú trọng phát triển mạnh thị trường khách du lịch nội địa, nhất là trong những năm đầu của thời kỳ chiến lược 2021 - 2030, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến ngành du lịch.

- Phát triển sản phẩm du lịch chất lượng, đa dạng, khác biệt, có giá trị gia tăng cao và tăng trải nghiệm cho khách du lịch dựa trên lợi thế về tài nguyên của từng vùng, địa phương, phù hợp với nhu cầu thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của du lịch Việt Nam.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành du lịch; phát triển du lịch thông minh; xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu; quản lý khách du lịch và hoạt động du lịch, tài nguyên du lịch; kiểm soát, giám sát và cảnh báo ô nhiễm môi trường, quản lý và giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường trong hoạt động du lịch trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và nền tảng công nghệ số.

- Phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch với cơ cấu ngành nghề hợp lý, bảo đảm về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập.

- Xây dựng hệ thống thống kê du lịch hiệu quả.

b) Dịch vụ logistics và vận tải

- Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước theo hướng tích cực tháo gỡ các khó khăn, rào cản, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh làm động lực khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường vận tải.

- Phát triển thị trường vận tải gắn liền với nâng cao năng lực hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam theo cơ chế thị trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế, tăng cường khả năng cạnh tranh và hợp tác quốc tế. Chủ động khai thác những cơ hội và hạn chế những tác động không mong muốn do cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại nhằm phát triển dịch vụ vận tải, vận tải đa phương thức đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế và nhu cầu của người dân.

- Sử dụng, đầu tư hiệu quả phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và tổ chức tuyên truyền khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ logistics. Thiết lập mạng lưới trung tâm phân phối nhiều cấp (cảng cạn, kho, bãi hàng hoá) và các tuyến vận tải thu, gom hàng hoá trong các đô thị lớn và các vùng kinh tế trọng điểm.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ dịch vụ vận tải, logistics đáp ứng được nhu cầu trong nước và quốc tế.

c) Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông

- Phát triển dịch vụ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 để tiến nhanh, bắt kịp các quốc gia trên thế giới.

- Phát triển thị trường CNTT-TT bền vững, định hướng chuyển đổi cơ cấu ngành sang các trụ cột mới (điện tử, dịch vụ nội dung số, an toàn và an ninh mạng, thương mại điện tử, vận chuyển...), đối tượng mới (thành phố thông minh, chính phủ số, công dân số), không gian mới (trong khu vực và thế giới).

- Kết hợp giữa phát triển ngành dịch vụ thông tin và truyền thông lan tỏa tới các ngành dịch vụ khác để tạo ra nhiều không gian mới thúc đẩy sự phát triển chung của các dịch vụ khác như thương mại, du lịch, giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng...

- Phát triển hạ tầng kết nối làm cơ sở để phát triển dịch vụ CNTT-TT. Nhanh chóng phát triển dịch vụ internet di động 5G và các thế hệ tiếp theo; khuyến khích doanh nghiệp mở rộng kết nối internet băng thông rộng tốc độ cao đến tất cả các xã trong cả nước; xây dựng xa lộ internet cho các dịch vụ nhiều người dùng, ví dụ dịch vụ hành chính công, dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục và các dịch vụ khác. Thu hút đầu tư và hình thành một số trung tâm dịch vụ công nghệ thông tin quốc tế tại các thành phố lớn là Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng...

- Duy trì sức cạnh tranh, giữ vững vị trí Việt Nam nằm trong nhóm 10 nước dẫn đầu về cung cấp dịch vụ gia công phần mềm và nội dung số; đủ khả năng phát triển, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ CNTT-TT đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, tạo nền tảng để phát triển kinh tế tri thức, góp phần làm chủ các hệ thống thông tin, bảo đảm an toàn thông tin và chủ quyền số quốc gia, tận dụng tối đa các lợi thế, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực của Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với Việt Nam.

- Đẩy mạnh cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các thủ tục hành chính công.

d) Dịch vụ tài chính - ngân hàng

- Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính - ngân hàng theo hướng đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Phát triển đồng bộ giữa các cấu phần của thị trường để lĩnh vực tài chính - ngân hàng tiếp tục trở thành kênh huy động và dẫn vốn hiệu quả cho nền kinh tế. Coi trọng phát triển quy mô, chất lượng và tăng cường khả năng cạnh tranh của các định chế trung gian, tạo sự liên thông giữa hoạt động của thị trường chứng khoán, bảo hiểm với thị trường tiền tệ - tín dụng để phát triển cân bằng giữa các cấu phần của thị trường tài chính.

- Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng gắn với hội nhập thị trường tài chính. Thực hiện tự do hoá các ngành và phân ngành dịch vụ tài chính. Phát triển thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm theo hướng tiếp cận với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển dần từ mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình kinh doanh số, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Việc phát triển các dịch vụ tài chính - ngân hàng cần dựa trên nền tảng công nghệ tự động hóa, kết nối đa chiều và thông minh hóa của công nghệ hiện đại. Chú trọng phát triển thanh toán điện tử phục vụ thương mại điện tử theo hướng hoàn thiện, tăng cường kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của hệ thống ngân hàng với hạ tầng thanh toán của các đơn vị khác.

- Phát triển các kênh cung cấp vốn cho thị trường; mở rộng hệ thống các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư là các tổ chức lớn; phát triển đầy đủ các định chế trung gian; đa dạng hoá các dịch vụ cung cấp. Chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh doanh của các ngân hàng thương mại theo hướng từ “độc canh tín dụng” sang mô hình đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng phi tín dụng.

2. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ khác

a) Dịch vụ khoa học và công nghệ

- Đối với lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng:

+ Áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trở thành một yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh; là công cụ và phương tiện quan trọng để duy trì các chuẩn mực trong các quan hệ kinh tế, thương mại.

+ Phát triển hoạt động dịch vụ đánh giá sự phù hợp, dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường để tạo sự chuyển biến về số lượng và chất lượng của các dịch vụ này. Hoàn thiện hàng rào kỹ thuật trong thương mại phục vụ xuất khẩu và kiểm soát nhập siêu. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, trước hết tập trung vào các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lớn, chủ lực của nền kinh tế.

- Đối với lĩnh vực thông tin, thống kê khoa học và công nghệ:

+ Phát triển mạnh mẽ dịch vụ cung cấp, tổng hợp - phân tích thông tin, số liệu thống kê khoa học và công nghệ bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu lãnh đạo, quản lý, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, sản xuất kinh doanh.

+ Phát triển hệ tri thức Việt số hóa để thiết lập hạ tầng nền tảng, dữ liệu lớn, chia sẻ dữ liệu phục vụ quá trình chuyển đổi số quốc gia, tiếp cận Cách mạng công nghiệp 4.0

- Phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; phát triển hạ tầng thông tin và thống kê khoa học công nghệ quốc gia theo hướng hiện đại hóa, đa dạng hóa.

- Khuyến khích phát triển các dịch vụ liên quan đến sở hữu trí tuệ, bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ...

b) Dịch vụ phân phối

- Đối với dịch vụ phân phối truyền thống:

+ Phát triển phân phối thành một ngành có khả năng cạnh tranh của Việt Nam. Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ.

+ Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các hiệp hội và cơ quan quản lý để phát triển mạnh thị trường trong và ngoài nước.

+ Đổi mới nội dung và phương thức quản lý phù hợp với từng loại hình thương mại truyền thống, đặc biệt là chợ.

+ Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động phân phối, bán lẻ, đặc biệt là các hoạt động lập cơ sở bán lẻ, phát triển chuỗi bán lẻ trong nước của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm đảm bảo sự phát triển, cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế tham gia thị trường phân phối, đồng thời thực thi nghiêm túc nội dung cam kết quốc tế của Việt Nam về dịch vụ phân phối.

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh doanh.

- Đối với dịch vụ thương mại điện tử:

+ Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách cho việc phát triển và ứng dụng kinh tế số. Hoàn thiện khung khổ pháp lý cho thương mại điện tử với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một cách toàn diện, theo kịp thực tiễn phát triển của các mô hình và hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh điện tử.

+ Phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ số và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai ứng dụng trong từng công đoạn của chu trình kinh doanh; các dịch vụ tích hợp dựa trên công nghệ tiên tiến như công nghệ thẻ thông minh, công nghệ Block chain, công nghệ nhận dạng đối tượng, mã vạch.

c) Dịch vụ y tế

- Hoàn thiện quy hoạch phát triển hệ thống y tế, tiếp tục đổi mới hệ thống y tế theo hướng tinh giản đầu mối, hội nhập quốc tế.

- Thực hiện việc đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh; phát triển dịch vụ du lịch khám chữa bệnh, một số lĩnh vực y học chất lượng cao, y học mũi nhọn phù hợp với điều kiện và khả năng của Việt Nam; hình thành cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân và thu hút khách quốc tế.

- Đẩy mạnh, khuyến khích phát triển y tế tư nhân, không phân biệt y tế công lập và y tế tư nhân; tăng tỷ trọng giường bệnh của khu vực tư nhân; tăng các dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định đạt chuẩn do khu vực tư nhân cung cấp.

- Tăng khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh các cấp và hệ thống đánh giá phản hồi của người dân; ban hành các quy trình chuyên môn. Thực hiện việc quản lý sức khỏe đến từng người dân để mọi người được theo dõi, tư vấn, khám sức khỏe ít nhất 01 lần/năm.

d) Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

- Gia tăng tỷ trọng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trong khu vực dịch vụ. Nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là các loại hình dịch vụ mà doanh nghiệp Việt Nam sử dụng nhiều như: dịch vụ tư vấn quản lý, dịch vụ kế toán - kiểm toán và các loại hình dịch vụ tương đối mới như tư vấn về quản trị nhân sự, dịch vụ thu tiền cung cấp hóa đơn...

- Khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng các loại dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.

- Chú trọng cung ứng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh không chỉ cho khu vực đô thị, mà cho cả khu vực nông thôn, trung du, miền núi, nhất là các dịch vụ hỗ trợ thiết yếu như dịch vụ thương mại, dịch vụ tài chính, cung ứng vật tư, kỹ thuật nông nghiệp...

- Phát triển hệ thống các doanh nghiệp hỗ trợ kinh doanh theo hướng xã hội hóa, thị trường hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập của doanh nghiệp Việt Nam.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 theo mục tiêu của “Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030” đề ra.

đ) Dịch vụ giáo dục và đào tạo

- Nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, nhất là giáo dục đại học và sau đại học để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế; chú trọng đào tạo nhân lực kỹ thuật, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp, quản lý xã hội, tổ chức cuộc sống và chăm sóc con người. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo, phát huy tính tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học nhằm đảm bảo chất lượng giúp người học có thể làm việc tại thị trường trong nước, trong khu vực và trên thế giới.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề; nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu; các hệ thống hỗ trợ hoạt động dạy và học trong giáo dục nghề nghiệp; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong hoạt động đánh giá kỹ năng nghề.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; phát triển quy mô và mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với điều kiện bảo đảm chất lượng, đồng thời tăng cường chất lượng giáo dục phù hợp với mục tiêu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới và Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Hoàn thiện thể chế, đổi mới quản lý hệ thống và quản trị nhà trường; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, từng bước hiện đại. xây dựng nền giáo dục mở theo hướng xã hội học tập.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO VÙNG LÃNH THỔ

1. Vùng đồng bằng

Tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ, phát triển mạnh các ngành dịch vụ, đặc biệt là nhóm ngành dịch vụ ưu tiên và các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội. Cải cách thể chế, nâng cấp hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực cho ngành dịch vụ. Nâng cao sức cạnh tranh, chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế; hình thành các trung tâm dịch vụ lớn mang tầm khu vực và thế giới về thương mại, du lịch, tài chính, logistics tại các thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và Cần Thơ... Tăng cường tính kết nối của các trung tâm dịch vụ lớn và trung tâm dịch vụ trên các tuyến hành lang kinh tế khu vực như: Hành lang mới về thương mại đường bộ, đường biển quốc tế (từ thành phố Trùng Khánh của Trung Quốc tới Singapore; hành lang kinh tế Đông - Tây, hành lang kinh tế phía Nam...).

2. Vùng trung du miền núi

Phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa để phát huy giá trị các tài nguyên thiên nhiên, các di tích lịch sử, đặc thù văn hóa các dân tộc của vùng. Phát triển du lịch nghỉ dưỡng ở các địa điểm có điều kiện khí hậu phù hợp. Chú trọng phát triển hạ tầng, khai thác các lợi thế về kinh tế cửa khẩu để phát triển các ngành dịch vụ phân phối, du lịch. Thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, gắn phát triển dịch vụ với phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội cho vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng. Chú trọng phát triển các dịch vụ phục vụ nông lâm nghiệp và dịch vụ phục vụ đời sống nhân dân.

3. Vùng biển, ven biển và hải đảo

Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có tiềm năng, lợi thế và giá trị gia tăng cao gắn với vị trí địa lý như du lịch, vận tải biển, logistics, dịch vụ liên quan đến khai thác dầu khí, dịch vụ hậu cần nghề cá. Phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ cao trong đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành các cảng biển, hệ thống giao thông kết nối cảng biển, các khu du lịch biển chất lượng cao, mang tầm quốc gia và khu vực. Hình thành các trung tâm logistics lớn tại Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ. Gắn phát triển ngành dịch vụ ở vùng biển, ven biển và hải đảo với bảo vệ vững chắc an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải. Phát triển mạnh mẽ dịch vụ nghề cá và phát triển hạ tầng dịch vụ cho các đảo, nhất là các đảo có vị trí quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

1. Giải pháp phát triển các ngành dịch vụ ưu tiên

a) Dịch vụ du lịch

- Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về du lịch và liên quan đến du lịch tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho phát triển du lịch. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế.

- Phát triển sản phẩm du lịch:

+ Phát triển hệ thống sản phẩm du lịch chất lượng, đặc sắc, đa dạng và đồng bộ, có giá trị gia tăng cao, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách du lịch nội địa và quốc tế; phát triển sản phẩm du lịch “xanh”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương.

+ Quy hoạch, đầu tư phát triển sản phẩm du lịch dựa trên thế mạnh nổi trội và hấp dẫn về tài nguyên du lịch; tập trung ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch biển, đảo, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái.

- Phát triển hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch đảm bảo chất lượng, hiện đại, tiện nghi, đồng bộ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, bao gồm hệ thống khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng, cơ sở dịch vụ thông tin, tư vấn du lịch, cơ sở dịch vụ đặt giữ chỗ, đại lý, lữ hành, hướng dẫn; phương tiện và cơ sở dịch vụ phục vụ vận chuyển khách du lịch, cơ sở dịch vụ phục vụ tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao, hội nghị và các mục đích khác.

- Đào tạo nguồn nhân lực du lịch đảm bảo chất lượng, số lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch và hội nhập quốc tế.

- Phát triển thị trường, xúc tiến quảng bá và thương hiệu du lịch:

+ Tập trung thu hút có lựa chọn các phân khúc thị trường khách du lịch có khả năng chi trả cao và lưu trú dài ngày. Phát triển mạnh thị trường du lịch nội địa, chú trọng thị trường khách nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, nghỉ cuối tuần và mua sắm.

+ Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch theo hướng chuyên nghiệp, nhằm vào thị trường mục tiêu, lấy sản phẩm du lịch và thương hiệu du lịch là trọng tâm; quảng bá du lịch gắn với quảng bá hình ảnh quốc gia.

+ Xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia trên cơ sở phát triển thương hiệu du lịch vùng, địa phương, thương hiệu doanh nghiệp du lịch và thương hiệu sản phẩm du lịch.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về du lịch với các nước, các tổ chức quốc tế, gắn thị trường du lịch Việt Nam với thị trường du lịch khu vực và thế giới.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch vụ đặt tour, đặt phòng, thanh toán qua các ứng dụng, ví điện tử..., hoàn thiện hệ thống thống kê du lịch.

b) Dịch vụ logistics và vận tải

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dịch vụ logistics và vận tải. Theo đó, sửa đổi một số quy định, bổ sung về dịch vụ logistics và vận tải tại Luật Thương mại, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động logistics. Sửa đổi, ban hành mới các chính sách, pháp luật điều chỉnh dịch vụ logistics, vận tải đa phương thức, vận tải xuyên biên giới. Bao quát toàn diện các dịch vụ logistics, nội luật hóa các cam kết quốc tế về logistics...

- Giảm chi phí logistics thông qua việc xử lý các điểm hạn chế của chuỗi cung ứng như năng suất các cảng biển, cảng cạn, cảng thủy nội địa, kho bãi và điểm trung chuyển; quy hoạch vận tải đa phương thức thúc đẩy phát triển nhanh các phương thức vận tải hàng hóa chi phí thấp.

- Đào tạo nguồn nhân lực ngành logistics, vận tải hàng hải một mặt đáp ứng nhanh nhu cầu nhân lực qua đào tạo cho ngành, mặt khác đẩy nhanh chương trình đào tạo các chuyên gia logistics có kỹ năng ứng dụng và triển khai các thực hành quản trị logistics và chuỗi cung ứng theo kịp các nước công nghiệp phát triển.

- Tái cấu trúc logistics, trong đó thúc đẩy sự phát triển các loại hình logistics (3PLs, 4PLs, 5PLs) trong nước, xem đây là tiền đề phát triển thị trường logistics của Việt Nam.

- Gắn kết công nghệ thông tin trong logistics, đặc biệt khâu thủ tục hải quan và tại biên giới (tăng cường tổ chức, thúc đẩy tiêu chuẩn hóa trong khai thác như chứng từ, tiêu chuẩn công nghệ..., phát triển các công nghệ thông tin logistics, EDI, e-logistics...

- Phát triển đa dạng các trung tâm phân phối tại các thành phố, đô thị lớn trên cả nước nhằm phục vụ thị trường bán lẻ, các trung tâm logistics gần các khu công nghiệp sản xuất, chế biến xuất khẩu.

- Quy hoạch hệ thống cảng biển, cảng cạn, hàng không, đường sắt, đường bộ đồng bộ. Khuyến khích đầu tư tư nhân, doanh nghiệp và mô hình hợp tác công tư (PPP).

- Áp dụng rộng rãi quản trị chuỗi cung ứng, quản trị logistics trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần, khuyến khích thuê ngoài logistics, điều chỉnh bổ sung luật, chính sách tạo điều kiện phát triển hoạt động dịch vụ logistics cũng như doanh nghiệp logistics trong nước; triển khai các hệ thống EDI và hệ thống giao dịch không giấy tờ tại các điểm hải quan, cửa khẩu, cải cách hành chính và minh bạch các dịch vụ công...

c) Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông

- Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông đồng bộ, an toàn thông tin gồm:

- + Triển khai hình thành hạ tầng mạng thông tin di động 5G phục vụ cho phát triển nền kinh tế số, xã hội số; từng bước làm chủ các công nghệ nền tảng như: công nghệ IoT, Big Data, AI, AR.

- + Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, tránh gây tổn kém nguồn lực phát triển của xã hội; phát triển hạ tầng số trên nền tảng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin.

- Chuyển đổi số quốc gia, tận dụng mọi cơ hội, nâng cao nhận thức và đầu tư cho dịch vụ mới:

- + Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện từ Chính phủ đến xã hội, doanh nghiệp để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số.

- + Xây dựng và phát triển các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

- Xây dựng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam:

- + Phát triển doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng chủ chốt cho phát triển dịch vụ thông tin và truyền thông, thực hiện tốt vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ, nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ nghiên cứu phát triển các ứng dụng công nghệ, khuyến khích các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ tăng cường sử dụng công nghệ, phần mềm, sản phẩm công nghệ; quán triệt chủ trương “sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam, Việt Nam làm chủ công nghệ, chủ động trong sản xuất”.

+ Phát triển một số ngành ưu tiên, công nghệ cao: công nghệ thông tin và viễn thông, điện tử... sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, thực hiện tư vấn công nghệ, chuyển giao công nghệ, mang công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới đột phá áp dụng vào mọi mặt của lĩnh vực kinh tế - xã hội.

d) Dịch vụ tài chính - ngân hàng

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền tệ, ngân hàng trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập.

- Đổi mới khuôn khổ chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối và vàng:

+ Điều hành chính sách tiền tệ hướng đến mục tiêu cao nhất là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

+ Phát triển bền vững thị trường vàng nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững thị trường vàng, hạn chế tình trạng vàng hóa, hỗ trợ điều hành chính sách tiền tệ và ổn định tiền tệ vĩ mô.

- Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

- Tăng cường ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực của ngành tài chính, ngân hàng; trong đó nhấn mạnh năng lực tiếp cận ứng dụng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong định hướng đổi mới hoạt động của ngành tài chính, ngân hàng; tăng cường nghiên cứu khoa học ứng dụng; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành tài chính, ngân hàng.

- Lĩnh vực bảo hiểm: Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; nâng cao tính an toàn hệ thống, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm; hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm; đa dạng và chuyên nghiệp hóa

các kênh phân phối bảo hiểm; tăng cường hiệu quả quản lý của nhà nước về kinh doanh bảo hiểm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm.

- Lĩnh vực chứng khoán: Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách cho việc phát triển đồng bộ thị trường tài chính - tiền tệ nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng; phát triển nhanh quy mô chất lượng của thị trường; hoàn thiện cơ cấu tổ chức thị trường chứng khoán bảo đảm hạ tầng kỹ thuật cho phát triển thị trường ổn định, an toàn, bền vững; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và thực thi pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường; đổi mới hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giao dịch, thanh toán, giám sát; chủ động hội nhập với thị trường tài chính, tiền tệ, chứng khoán khu vực quốc tế, tiệm cận với các thông lệ và chuẩn mực tốt nhất.

2. Giải pháp phát triển các ngành dịch vụ khác

a) Dịch vụ khoa học và công nghệ

- Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ; đề xuất tăng quy mô tài chính cho các quỹ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp để đầu tư đổi mới công nghệ.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy trình đánh giá sự phù hợp; xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn đối sánh và thực hành tốt nhất về năng suất để phục vụ doanh nghiệp.

- Định hướng thúc đẩy chuyên giao công nghệ từ các nước tiên tiến trên thế giới cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có tiềm năng lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Đẩy mạnh nghiên cứu làm chủ và chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất sản phẩm thương hiệu Việt Nam như: phần mềm và nội dung số; thiết kế, chế tạo mạch tích hợp, bộ nhớ dung lượng cao; công nghệ đa phương tiện; công nghệ đa truy cập; trí tuệ nhân tạo; công nghệ an toàn và an ninh mạng; phát triển hệ thống trung tâm tính toán hiệu năng cao.

- Khuyến khích khu vực tư nhân xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ, các trung tâm đổi mới sáng tạo và cung ứng dịch vụ khoa học - công nghệ; thành lập một số tổ chức khoa học và công nghệ theo mô hình tiên tiến có vốn nước ngoài.

- Chủ động xây dựng khung thể chế thử nghiệm cho các ngành, nghề kinh doanh mới để tạo hành lang pháp lý cho các sản phẩm, dịch vụ sáng tạo.

b) Dịch vụ phân phối

- Rà soát các cam kết quốc tế và pháp luật trong nước, sớm hoàn thiện các quy định có liên quan đến hoạt động phân phối nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích mà Việt Nam đã đạt được trong các cam kết quốc tế.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, phát triển hạ tầng thương mại theo hướng tạo đồng bộ, thuận lợi cho phát triển các loại hình kết cấu thương mại, đặc biệt tại khu vực nông thôn.

- Tăng cường các biện pháp hỗ trợ đào tạo, tuyên truyền và phổ biến kiến thức về hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa; kiểm tra và giám sát tình hình hoạt động mua bán hàng hóa, tình hình thực thi pháp luật của các đơn vị được cấp phép để bảo đảm thị trường mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, các chủ thể thương mại điện tử hoạt động lành mạnh, bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư.

- Khuyến khích doanh nghiệp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh doanh.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp bán lẻ với các nhà sản xuất trong việc tạo nguồn hàng sản xuất trong nước với giá cả cạnh tranh, bảo đảm đủ tiêu chuẩn chất lượng có thể thỏa mãn nhu cầu mua sắm tiêu dùng đa dạng và ngày càng cao ở Việt Nam để cung ứng cho các cơ sở bán lẻ nhằm giảm sự phụ thuộc vào hàng cùng loại nhập khẩu.

- Nghiên cứu chính sách tăng cường chuỗi giá trị, đổi mới và thuận lợi hóa lưu thông trong đó tập trung vào hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa, tập trung trước hết vào các chuỗi cung ứng hàng nông sản thực phẩm thiết yếu của thị trường nội địa.

- Xây dựng chính sách khuyến khích ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp phân phối, logistics; thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử trong việc truy xuất nguồn hàng vào hệ thống hạ tầng thương mại như siêu thị, chợ.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển dịch vụ phân phối. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với các nền tảng thương mại điện tử quốc tế như Amazon, Alibaba, Rakuten...

c) Dịch vụ y tế

- Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế:

+ Thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn dân, tổ chức cung cấp dịch vụ y tế công, bảo đảm các dịch vụ y tế cơ bản, phần đầu trên 95% dân số được quản lý, theo dõi, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe.

+ Nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh và hiệu quả hoạt động y tế cơ sở, ứng phó kịp thời các vấn đề khẩn cấp, sự cố môi trường, bảo đảm an ninh y tế. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh. Phát triển mạnh y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn, đáp ứng với sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực y tế.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các cơ sở y tế công lập theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị; giá dịch vụ y tế được tính đúng, tính đủ chi phí và có tích lũy để đầu tư phát triển, bảo đảm công khai, minh bạch, gắn với chất lượng dịch vụ.

- Đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.

d) Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

- Khuyến khích các hộ kinh doanh sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh để góp phần đẩy nhanh việc chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu Việt Nam có 2 triệu doanh nghiệp vào năm 2030 như mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 10/NQ-TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý để phát triển dịch vụ hỗ trợ kinh doanh; rà soát, đánh giá và hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với các dịch vụ như: kế toán, kiểm toán, nghiên cứu thị trường, dịch vụ khoa học công nghệ.

- Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp. Hoàn thiện các khung khổ pháp lý cho hoạt động của các hiệp hội, tạo lập khung pháp lý an toàn, hợp lý để các hội và hiệp hội doanh nghiệp hình thành thuận lợi và phát triển ổn định. Trên cơ sở đó tăng cường chuyển giao các dịch vụ công trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho các hiệp hội doanh nghiệp và khu vực tư nhân (ví dụ việc cấp chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ nghề, các dịch vụ xác nhận, cấp phép liên quan tới hoạt động kinh doanh...).

đ) Dịch vụ giáo dục và đào tạo

- rà soát, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đảm bảo quy mô, cơ cấu, hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo, vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng.

- Chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng trong hệ thống giáo dục; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo và ứng dụng các mô hình giáo dục, đào tạo mới trên nền tảng công nghệ thông tin như trên internet, trên thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng); khuyến khích các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, đào tạo để đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, nhất là trong các ngành có nhu cầu cao.

- Xây dựng chính sách đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục. Huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động của cơ sở giáo dục, đào tạo.

- Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình xây dựng, đổi mới chương trình và tổ chức đào tạo.

C. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn lực kinh tế - xã hội để thực hiện Chiến lược: vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Chiến lược và lập dự toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Chiến lược theo quy định pháp luật.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Chủ trì điều phối chung về phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam; xây dựng cơ chế, chính sách chung về phát triển khu vực dịch vụ; cơ chế chính sách phối hợp liên ngành/đa ngành về dịch vụ nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách quản lý, phát triển các ngành dịch vụ mới.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thu hút nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư vào các ngành dịch vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Chương trình hành động thực hiện Chiến lược; xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ, thời hạn hoàn thành của các bộ, ngành; bảo đảm việc lồng ghép thực hiện các mục tiêu của Chiến lược với các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của trung ương và địa phương.

- Tham mưu, tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và chế độ thông tin, báo cáo về triển khai thực hiện Chiến lược.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá về việc thực hiện Chiến lược của các ngành, lĩnh vực, địa phương; kịp thời đề xuất với các bộ, ngành, địa phương hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền biện pháp xử lý đối với những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược, định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược vào năm 2030.

2. Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ, chủ động lồng ghép các nội dung triển khai thực hiện Chiến lược vào các nhiệm vụ chuyên môn được giao. Cụ thể:

- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng chương trình hành động thực hiện Chiến lược, trọng tâm là các lĩnh vực liên quan đến dịch vụ phân phối, thương mại điện tử, logistics.

- Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng chương trình hành động, tổ chức triển khai các Chiến lược phát triển trong các lĩnh vực chuyên ngành chứng khoán, bảo hiểm, kế toán - kiểm toán, ngân hàng.

- Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng chương trình hành động thực hiện Chiến lược, trọng tâm là các lĩnh vực liên quan đến dịch vụ logistics và vận tải.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng chương trình hành động, tổ chức thực hiện Chiến lược, trọng tâm là lĩnh vực dịch vụ du lịch.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng chương trình hành động thực hiện Chiến lược, trọng tâm là lĩnh vực dịch vụ khoa học - công nghệ.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng chương trình hành động thực hiện Chiến lược, trọng tâm là lĩnh vực dịch vụ công nghệ thông tin - truyền thông và nền tảng công nghệ số cho phát triển các ngành dịch vụ khác.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng chương trình hành động thực hiện Chiến lược, trọng tâm là lĩnh vực dịch vụ giáo dục đào tạo, dạy nghề, cung cấp nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực dịch vụ khác.

- Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng chương trình hành động thực hiện Chiến lược, trọng tâm là lĩnh vực dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe.

- Các bộ, ngành khác phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Chiến lược, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia và hội nhập hiệu quả trong lĩnh vực dịch vụ.

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chương trình hành động thực hiện Chiến lược trong phạm vi lãnh thổ quản lý.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chiến lược trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ vào tháng 12 hằng năm, bắt đầu từ năm 2021, kiểm điểm tình hình thực hiện Chiến lược và báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược trong các ngành, lĩnh vực dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). **110**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc